TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh; Ông Lò Văn Chiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phàn Xa N, sinh năm: 1999, địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tẩn Xuân B, sinh năm: 1997, địa chỉ: Bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phàn Xa N trình bày:

Chị Phàn Xa N và anh Tẩn Xuân B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B, chị N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình, con cái và thường xuyên đánh chị N. Giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị N và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh B nhiều lần, mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ tháng 9 năm 2022 đến

nay, vợ chồng anh B, chị N sống ly thân, không quan tâm đến nhau, chị N về nhà mẹ đẻ ở. Chị N không còn tình cảm với anh B nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là cháu Tẩn Khang A, sinh ngày 18/5/2016 và cháu Tẩn Bảo L, sinh ngày 19/11/2021. Hiện tại, cháu A đang ở với anh B, cháu L đang ở với chị N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cháu L, còn cháu A do anh B là người trực tiếp nuôi. Chị N và anh B không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh B không tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại buổi hòa giải, bị đơn là anh Tẩn Xuân B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị N đúng như lời khai của chị N. Anh B vẫn còn tình cảm với chị N nhưng nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh B cũng nhất trí. Về con chung, anh B có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu Tẩn Khang A, Tẩn Bảo L, anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B không có yêu cầu phản tố.

Kết quả xác minh của Tòa án, xác định: Tại Công an xã Nậm Xe không có hồ sơ theo dõi đối tượng nghiện chất ma túy đối với anh Tẩn Xuân B nên không có cơ sở để xác định anh B nghiện chất ma túy.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị N và anh B đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phàn Xa N, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Xa N được ly hôn với anh Tẩn Xuân B. Về con chung: Giao cháu Tẩn Khang A cho anh Tẩn Xuân

B, giao cháu Tẩn Bảo L cho chị Phàn Xa N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A, cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B và chị N phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Phàn Xa N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị N và bị đơn là anh Tẩn Xuân B. Tại thời điểm chị N gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì bị đơn là anh Tẩn Xuân B có nơi cư trú tại bản N, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án được xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Xa N và anh Tẩn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh B, chị N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh B ham chơi, không quan tâm đến gia đình, không giúp chị N lo lắng, xây dựng hạnh phúc gia đình và còn nhiều lần đánh chị N. Chị N và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần, cho hai vợ chồng nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh B nữa và muốn được ly hôn với anh B. Anh B còn tình cảm với chị N nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh B cũng nhất trí. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Giữa chị N và anh B không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N,

giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi vợ chồng anh B, chị N sống ly thân, cháu Tẩn Khang An ở cùng với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Cháu Tẩn Bảo Lâm ở cùng với mẹ, được mẹ quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Lâm, còn cháu An sẽ giao cho anh B nuôi. Hiện nay, anh B và chị N đều có khả năng lao động, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh B và chị N đều có gia đình hai bên hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu An cho anh B là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Lâm cho chị N là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N, anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh B, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh B và chị N tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Xa N được ly hôn với anh Tẩn Xuân B.

- Về con chung: Giao cháu Tẩn Khang A, sinh ngày 18/5/2016 cho anh Tẩn Xuân B; giao cháu Tẩn Bảo L, sinh ngày 19/11/2021 cho chị Phàn Xa N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A, cháu L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cha mẹ

không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tẩn Xuân B, chị Phàn Xa N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Tẩn Xuân B và chị Phàn Xa N tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phàn Xa N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh